

UBND TỈNH BẮC GIANG
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *326*/TTr-VP

Bắc Giang, ngày *11* tháng 8 năm 2019

V/v báo cáo kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC

Kính gửi:

- Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;
- Ban Tiếp công dân - Văn phòng UBND tỉnh.

Thực hiện Công văn số ~~304~~*304*/UBND-TCD ngày ~~21~~*21*/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Thanh tra tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (theo yêu cầu của Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 304/BDN ngày 14/8/2019); thời kỳ báo cáo từ 16/8/2018 đến 15/8/2019.

Để có cơ sở tham mưu xây dựng báo cáo, Chánh Thanh tra tỉnh đề nghị:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị (như kính gửi) báo cáo kết quả thực hiện theo đúng nội dung Mẫu đề cương và phụ lục kèm theo Văn bản số 304/BDN ngày 14/8/2019 của Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Thời hạn, hình thức gửi báo cáo: Gửi về Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày *27*/8/2019.

Để đảm bảo thời gian tổng hợp, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gửi đồng thời bản mềm (file Word, Excel) báo cáo và các biểu mẫu đến địa chỉ hòm thư điện tử *thanhtra@bacgiang.gov.vn*.

3. Quá trình xây dựng báo cáo có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ Văn phòng Thanh tra tỉnh (ĐT 0204.3727.789) để phối hợp, trao đổi. Các cơ quan, đơn vị có thể truy cập Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh, mục Văn bản chỉ đạo điều hành → Văn bản Thanh tra tỉnh, để tải Biểu mẫu Phụ lục 1, 2.

Giao Trưởng các phòng Nghiệp vụ của Thanh tra tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị gửi báo cáo về Thanh tra tỉnh đúng thời hạn.

(Gửi kèm theo Văn bản số 304/BDN ngày 14/8/2019 của Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số ~~304~~*304*/UBND-TCD ngày *21*/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Thanh tra các Sở, CQ thuộc UBND tỉnh;
- Thanh tra các huyện, TP;
- Trưởng các phòng NV;
- CVP, PCVP (T/H), TCD,
- Đảng Cộng TTĐT Thanh tra tỉnh.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Sơn Hồng
Nguyễn Sơn Hồng

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
BAN DÂN NGUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 304 /BDN

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

V/v báo cáo công tác tiếp công dân và
giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2019

JBND TỈNH BẮC GIANG


Số: 173.15 Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày: 20 / 8 / 2019

ên:

Căn cứ Quy chế tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2017); Kế hoạch số 313/KH-UBTVQH14 ngày 07/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2019; Kế hoạch số 48/KH-BDN ngày 12/02/2019 của Ban Dân nguyện về tổ chức giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và giám sát việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân năm 2019. Để chuẩn bị dự thảo báo cáo "*Kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến Quốc hội*" trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phiên họp tháng 10/2019, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội trân trọng kính đề nghị Quý Ủy ban báo cáo kết quả công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đề cương báo cáo gửi kèm và việc giải quyết một số vụ việc do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến (danh sách vụ việc kèm theo nếu có).

Báo cáo xin gửi về Ban Dân nguyện trước ngày 30/8/2019 để tổng hợp báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, địa chỉ: 22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội (*chi tiết xin liên hệ đồng chí Nguyễn Ngọc Hùng - PVT Vụ Dân nguyện, ĐT: 080.48604; Fax: 080.46055; Email: hungnn@quochoi.vn*).

Xin trân trọng cảm ơn. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT QH Đỗ Bá Ty (để b/c);
- Lưu: HC, DN;
- E-pas: 65654



Nguyễn Thanh Hải

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
của công dân của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (Từ 16/8/2018 đến 15/8/2019)¹
(Kèm theo Công văn số 304/BDN ngày 14/8/2019 của Ban Dân nguyện)**

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Khái quát tình hình, kết quả triển khai tiếp công dân theo Luật tiếp công dân và Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

- Việc xây dựng kế hoạch, lịch tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND các cấp và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan (cấp tỉnh, cấp huyện).

- Việc bố trí cán bộ tiếp công dân tại các cấp ngành, số lượng và tỷ lệ cán bộ được đào tạo chuyên ngành luật; việc bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng cho cán bộ làm công tác này.

- Vai trò và sự tham gia của Luật sư trong hoạt động tiếp công dân; Công tác phối hợp với cơ quan hữu quan, đoàn thể;

2. Khái quát tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trong tỉnh, thành phố

Nêu cụ thể về tình hình khiếu nại, tố cáo tại địa phương tăng hay giảm so với cùng kỳ (có tỷ lệ cụ thể); tình hình khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp tại địa phương.

3. Kết quả tiếp công dân trên địa bàn tỉnh, thành phố;

- Tổng số lượt đã tiếp/số vụ việc khiếu nại, tố cáo; (số lượt được hướng dẫn, giải thích trực tiếp, số lượt có văn bản hướng dẫn, số lượt tiếp có nhận đơn, thư).

- Nội dung khiếu nại, tố cáo (nêu tỷ lệ các lĩnh vực có khiếu nại, tố cáo);

- Số đoàn đông người/số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người; vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài; số vụ việc lợi dụng khiếu nại gây rối làm mất trật tự an ninh (nếu có).

- Tiếp công dân của lãnh đạo;

- Tiếp công dân đột xuất;

- Tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu;

- Số ngày Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tiếp công dân định kỳ theo quy định của Luật Tiếp công dân (nêu rõ số ngày đã tiếp định kỳ/tổng số tháng trong thời gian yêu cầu báo cáo)², trong đó nêu rõ số lượt công dân đã tiếp/số vụ việc và kết quả giải quyết, hiệu quả tiếp công dân của Chủ tịch; số ngày tiếp công dân của cấp phó theo ủy quyền của Chủ tịch; việc công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch (niêm yết công khai tại nơi tiếp và trên cổng thông tin điện tử, có bản sao lịch tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch kèm theo gửi Đoàn giám sát).

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh

¹ Lưu ý: Các tỉnh Đoàn giám sát đã tiến hành giám sát trong tháng 3, 4/2019 (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Phú Yên và Bình Định), đề nghị trên cơ sở Báo cáo của tỉnh, thành phố đã báo cáo Đoàn tại buổi làm việc, bổ sung các số liệu, nội dung, kết quả giải quyết vụ việc cụ thể có kiến nghị theo thời gian yêu cầu báo cáo.

² Theo Luật tiếp công dân: Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp tối thiểu 12 ngày định kỳ/năm; Chủ tịch UBND cấp huyện, quận tiếp 24 ngày/năm x tổng số huyện, quận của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã, phường (tiếp 48 ngày/năm x số xã, phường)

4.1. Tình hình chung về giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Số đơn tiếp nhận: số đơn đủ điều kiện và không đủ điều kiện giải quyết
- Số vụ việc thụ lý, giải quyết
- Số vụ việc mới phát sinh so với năm cũ (số phát sinh trong kỳ và số từ năm trước chuyển sang).

- Thẩm quyền giải quyết: số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (nêu cụ thể số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu, lần 2 của tỉnh, thành phố); số đơn thuộc thẩm quyền của cấp huyện; số đơn đã giải quyết hết thẩm quyền.

- Đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết hết thẩm quyền nhưng có chỉ đạo của Thủ tướng xem xét lại; những vụ việc giải quyết hết thẩm quyền, đã rà soát giải quyết và chấm dứt thụ lý theo các Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ, của tỉnh, thành phố nhưng công dân còn khiếu nại, tố cáo.

4.2. Kết quả giải quyết:

4.2.1. Số vụ việc khiếu nại đã giải quyết:

+ Hình thức giải quyết (ban hành quyết định, công văn trả lời).

+ Phân tích kết quả giải quyết: số vụ việc công dân khiếu nại đúng; số vụ việc công dân khiếu nại đúng một phần; số vụ việc công dân khiếu nại sai toàn bộ (tỷ lệ % đối với mỗi loại); số vụ việc giải quyết lần 2 đã hủy, sửa quyết định giải quyết lần 1.

+ Kết quả giải quyết khiếu nại: nêu số liệu cụ thể tài sản đã thu hồi cho nhà nước và cho công dân; xử lý trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, nêu rõ số liệu, hình thức xử lý, thuộc cấp, ngành nào (địa chỉ cụ thể).

- Số vụ việc đang giải quyết;

- Số vụ việc chưa giải quyết, lý do của việc chưa giải quyết;

- Số vụ việc giải quyết hết thẩm quyền đã, đang kiểm tra, rà soát lại: số vụ việc giải quyết lại; số vụ việc giữ nguyên việc giải quyết; số vụ việc đang kiểm tra, rà soát lại;

- Kết quả tổ chức thực hiện quyết định đã có hiệu lực.

4.2.2. Số vụ việc tố cáo đã giải quyết:

+ Phân tích kết quả giải quyết: số vụ việc công dân tố cáo đúng; số vụ việc công dân tố cáo đúng một phần; số vụ việc công dân tố cáo sai toàn bộ (tỷ lệ % đối với mỗi loại).

+ Số vụ việc từ khiếu nại không được chuyển sang tố cáo người giải quyết khiếu nại.

+ Kết quả giải quyết tố cáo: việc xử lý cán bộ, người bị tố cáo có vi phạm, nêu rõ số liệu, hình thức xử lý, thuộc cấp, ngành nào (địa chỉ cụ thể); tài sản đã thu hồi cho nhà nước và cho công dân (nêu số liệu cụ thể).

- Số vụ việc đang giải quyết.

- Số vụ việc chưa giải quyết, lý do của việc chưa giải quyết.

- Kết quả tổ chức thực hiện kết luận giải quyết tố cáo.

4.2.3. Số vụ việc công dân khiếu nại đã khởi kiện vụ án hành chính và kết quả giải quyết của cơ quan Tòa án (tỷ lệ các bản án đồng ý hoặc không đồng ý với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện).

5. Đánh giá chung:

+ Đơn, thư khiếu nại, tố cáo tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào, thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp nào.

- Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo:

+ Về tiếp nhận, thụ lý và thời hạn giải quyết, trả lời;

+ Về việc bảo đảm công khai trong việc kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại;

+ Về việc thực hiện đối thoại khi giải quyết khiếu nại (do người đứng đầu trực tiếp đối thoại hay ủy quyền đối thoại);

+ Việc giữ bí mật thông tin và bảo vệ người tố cáo;

+ Việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, công khai quyết định giải quyết khiếu nại; kết luận việc giải quyết tố cáo;

+ Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại.

+ Công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (có số liệu cụ thể ở các cấp) và kết quả.

+ Việc xử lý trách nhiệm đối với người thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Việc thực hiện công tác phối hợp (việc phối hợp với cơ quan Trung ương, với cơ quan, đoàn thể tại địa phương).

+ Tính công khai, minh bạch trong giải quyết, thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

II. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO DO CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI, BAN THUỘC UBTVQH, ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI CHUYÊN ĐẾN

1. Về kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo do các cơ quan của Quốc hội, Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên đến các cấp, ngành có thẩm quyền trên địa bàn:

- Tổng số đơn nhận được

- Số vụ việc đã giải quyết:

+ Số vụ việc đang giải quyết;

+ Số vụ việc chưa giải quyết, lý do của việc chưa giải quyết.

- Đối với vụ việc không thuộc thẩm quyền:

+ Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành trung ương nhưng lại chuyển về địa phương;

+ Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tư pháp nhưng lại chuyển cho cơ quan hành chính;

+ Số vụ việc đã hết thời hiệu

2. Báo cáo kết quả giải quyết một số vụ việc do Ban Dân nguyện chuyển đến địa phương (danh sách vụ việc gửi kèm (nếu có), đề nghị có tài liệu kèm theo báo cáo).

3. Báo cáo kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực (theo văn bản số 12268/VPCP-V.I ngày 18/12/2018 của Văn phòng Chính phủ) về thực hiện kiến nghị của UBTVQH tại Báo cáo số 341/BC-UBTVQH14 ngày 25/10/2018 về công tác tiếp công dân, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến Quốc hội; kết quả việc giải quyết các vụ việc nêu trong báo cáo, phụ lục báo cáo và các vụ việc Đoàn giám sát có kiến nghị cụ thể (đối với 09 tỉnh, thành phố Đoàn đến giám sát³ năm 2018).

III. NHẬN XÉT CHUNG

1. Những kết quả đạt được;

2. Tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; về cơ chế chính sách; tổ chức chỉ đạo, điều hành và thực hiện (gồm khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện kết luận, quyết định có hiệu lực pháp luật); công tác phối hợp; những vấn đề từ phía người dân;

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: chủ quan, khách quan

4. Các giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

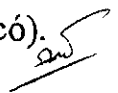
IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về hoàn thiện pháp luật (đề nghị nêu cụ thể);

2. Về tổ chức thực hiện pháp luật;

3. Việc xử lý, chuyển đơn và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

4. Kiến nghị cụ thể với Ban Dân nguyện về một số vấn đề cần thiết (nếu có).



³ 09 tỉnh, thành phố. Hải Phòng, tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng, Thái Nguyên, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Cà Mau, Hậu Giang, Hà Giang

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN
(Từ 16/8/2018 đến 15/8/2019)

Cấp, ngành	TÌNH HÌNH TIẾP CÔNG DÂN										KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN														
	Số lượt tiếp công dân và số kỳ tiếp công dân của người đứng đầu theo quy định				Phân loại việc qua tiếp công dân				Hướng dẫn, giải thích		Số vụ việc tiếp nhận		Kết quả giải quyết vụ việc tiếp nhận qua tiếp công dân												
	Số lượt tiếp		Số ngày tiếp dân định kỳ		Theo loại đơn		Theo lĩnh vực		Văn bản	Trực tiếp	Thụ lý theo thẩm quyền	Chuyên/ chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền	Vụ việc đã giải quyết	Vụ việc đang giải quyết	Vụ việc công dân tiếp khiếu	Văn bản chấn dít									
Tổng số	Tiếp thường xuyên	Tiếp định kỳ	Tiếp của lãnh đạo	Tiếp đợt xuất của lãnh đạo	Đoàn đồng người	Chủ tịch, Thủ trưởng tiếp	Cấp phó tiếp theo ủy quyền	Phức tạp, kéo dài									Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, Phản ánh	Hành chính	Tư pháp	Khác			
UBND Cấp huyện	1 (2+3+4)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
Sở và vị thuộc tỉnh																									
UBND Cấp xã																									
Tổng																									

Lưu ý: Thống kê rõ số ngày Chủ tịch UBND mỗi cấp, người đứng đầu sở, ngành đã tiếp công dân định kỳ (theo Luật tiếp công dân) tại cột số 6; số ngày ủy quyền cấp Phó tại cột số 7, trong đó có số ngày có tổ chức tiếp định kỳ của Chủ tịch, người đứng đầu nhưng không có công dân đến (nếu có thì để nghị nêu cụ thể thêm trong nội dung Báo cáo)

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. 1 ngày/tháng x 12 tháng

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Thủ trưởng Sở, ngành 1 ngày/tháng x 12 tháng x số Sở ngành

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND cấp huyện 2 ngày/tháng x 12 tháng x số đơn vị cấp huyện

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND cấp xã 4 ngày/tháng x 12 tháng x số đơn vị cấp xã

5

Phụ lục 2

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(Từ 16/8/2018 đến 15/8/2019)

Cấp, ngành	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN										KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT											
	Phân loại theo đơn, thư			Theo lĩnh vực				Theo điều kiện xử lý			Số vụ việc thuộc thẩm quyền		Đang giải quyết	Đã giải quyết	Khiếu nại		Tố cáo		Thu hồi về tài sản cá nhân	Thu hồi về đất	Kỳ luật tập thể	
				Hành chính		Tư pháp									Đúng	Sai	Đúng	Sai				
	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đất đai	Nhà ở	Tài sản công	Chính sách người có công	Hình sự	Dân sự	Hành chính	Đơn trùng	Đơn đủ điều kiện	Đơn không đủ điều kiện	Đơn đủ điều kiện					Đúng	Sai	Đúng	Sai
UBND Cấp tỉnh																						
Các Sở và đơn vị thuộc cấp tỉnh																						
UBND Cấp huyện																						
UBND cấp xã																						
Tổng																						

31